

Số: 99 /KH-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2018

LỊCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ngày thi: 27, 28 tháng 01 năm 2018)

Thứ Sáu ngày 26/01/2018 thí sinh có mặt tại Văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1) để nhận Phiếu báo dự thi và đính chính thông tin sai sót.

I. LỊCH THI

SÁNG THỨ BẢY, NGÀY 27/01/2018				
Phòng thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH01	7:30	8:00	9:00	Phòng thực hành máy tính 01, TT NN-TH
TH02				Phòng thực hành máy tính 02, TT NN-TH
CHIỀU THỨ BẢY, NGÀY 27/01/2018				
Phòng thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH03	13:30	14:00	15:00	Phòng thực hành máy tính 01, TT NN-TH
TH04				Phòng thực hành máy tính 02, TT NN-TH
SÁNG CHỦ NHẬT, NGÀY 28/01/2018				
Phòng thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH05	7:30	8:00	9:00	Phòng thực hành máy tính 01, TT NN-TH
TH06				Phòng thực hành máy tính 02, TT NN-TH
CHIỀU CHỦ NHẬT, NGÀY 28/01/2018				
Phòng thi	Thời gian thí sinh có mặt	Thời gian thi trắc nghiệm	Thời gian thi thực hành	Địa điểm thi (Trắc nghiệm + Thực hành)
TH07	13:30	14:00	15:00	Phòng thực hành máy tính 01, TT NN-TH
TH08				Phòng thực hành máy tính 02, TT NN-TH

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT NGÀY THI 27, 28/ 01/ 2018

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CHỦ TRÌ	SÁNG	CHIỀU
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐ	7:30	13:30
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	Thư ký HĐ	7:35	13:35
3	- Đánh số báo danh. - Gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu số ảnh, bố trí chỗ ngồi cho thí sinh đúng vị trí quy định.	Giám thị 1	7:45	13:45
	- Kiểm tra vật dụng mang vào phòng thi của thí sinh.	Kỹ thuật viên		
	- Kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Phổ biến quy chế thi.	Giám thị 2,3		
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM				
4	- Phát dữ liệu đề thi trắc nghiệm trên phần mềm về từng máy cho thí sinh.	Kỹ thuật viên	7:55	13:55
	- Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập làm bài thi.			
5	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi trắc nghiệm.	Giám thị	8:00	14:00
6	Kết thúc thời gian làm bài thi trắc nghiệm: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	8:30	14:30
	- In Kết quả phần thi trắc nghiệm.	Kỹ thuật viên		
	- Yêu cầu thí sinh ký tên xác nhận kết quả phần thi trắc nghiệm.	Giám thị 2,3		
PHẦN THI THỰC HÀNH				
1	- Phát dữ liệu đề thi thực hành trên máy chủ về từng máy cho thí sinh.	Trưởng Ban coi thi	8:55	14:55
	- Hướng dẫn thí sinh đường dẫn lấy dữ liệu thi và đường dẫn lưu kết quả bài thi.	Kỹ thuật viên		
2	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi thực hành.	Giám thị	9:00	15:00
3	Kết thúc thời gian làm bài thi thực hành: - Duy trì ổn định và trật tự phòng thi	Giám thị 1	10:30	16:30
	- Yêu cầu thí sinh ký tên vào Danh sách xác nhận tệp kết quả thi thực hành.	Giám thị 2,3 & Kỹ thuật viên		
	- Niêm phong 02 Thiết bị lưu trữ bài thi.	Giám thị & Kỹ thuật viên		
4	Nộp Danh sách kết quả thi trắc nghiệm, 02 thiết bị lưu trữ bài thi đã được niêm phong, các biên bản phòng thi.	Giám thị, Kỹ thuật viên và Ban thư ký	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ	
5	Xóa toàn bộ dữ liệu thi của ca thi.	Kỹ thuật viên		
6	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng.	Chủ tịch HĐ		

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 27/01/2018

PHÒNG THI: TH01

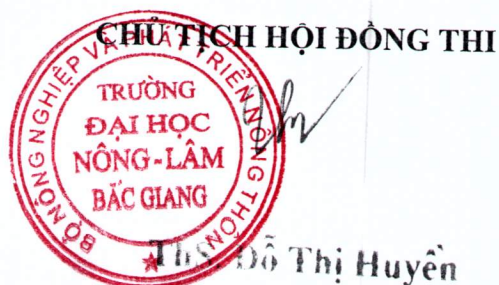
Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **7h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **9h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Thân Quốc	An	CNTT01	12/5/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Đào Thị Vân	Anh	CNTT02	14/4/1984	Kiến Thụy - Hải Phòng	
3	Lê Hồng	Anh	CNTT03	15/12/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Nguyễn Ngọc	Anh	CNTT04	12/9/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
5	Nguyễn Thị Hoài	Anh	CNTT05	29/12/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Thân Chí Hải	Anh	CNTT06	16/9/1999	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Đỗ Danh	Ánh	CNTT07	13/01/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Phạm Thị Kim	Ánh	CNTT08	19/6/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Nguyễn Văn	Bách	CNTT09	11/4/1999	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Trịnh Văn	Bảo	CNTT10	15/01/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Phạm Thị	Bình	CNTT11	05/12/1982	Tân Yên - Bắc Giang	
12	Nguyễn Văn	Chiến	CNTT12	06/8/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Nguyễn Văn	Chiến	CNTT13	20/10/1998	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Dương Thị	Chinh	CNTT14	16/6/2000	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Nguyễn Thị	Chinh	CNTT15	20/5/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
16	Nguyễn Thị	Chung	CNTT16	30/7/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Nguyễn Văn	Cường	CNTT17	02/3/1993	Phúc Thắng - Sơn Động - Bắc Giang	
18	Nguyễn Thị	Diễm	CNTT18	10/02/1984	Trí Yên - Yên Dũng - Bắc Giang	
19	Nguyễn Thị	Diệu	CNTT19	10/02/1982	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Đào Thị Phương	Dung	CNTT20	07/3/1994	Thọ Xương-TP.Bắc Giang - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20./.



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 27/01/2018

PHÒNG THI: TH02

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **7h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **9h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Dung	CNTT21	30/8/1983	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Vũ Thị	Dung	CNTT22	08/10/1996	Trí Yên - Yên Dũng - Bắc Giang	
3	Đinh Tuấn	Dũng	CNTT23	29/11/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Ngô Văn	Dũng	CNTT24	10/3/1980	Bắc Lý - Hiệp Hoà - Bắc Giang	
5	Nguyễn Tiến	Dũng	CNTT25	24/10/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Nguyễn Văn	Dũng	CNTT26	01/01/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Bùi Thị Thuý	Dương	CNTT27	29/8/1993	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Nguyễn Thị Hoài	Dương	CNTT28	06/6/1996	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	
9	Phạm Tiến	Đạt	CNTT29	28/12/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Hoàng Thanh	Điệp	CNTT30	20/11/1979	Lương Phong - Hiệp Hoà - Bắc Giang	
11	Nguyễn Đà	Giang	CNTT31	21/4/1986	TP.Hoà Bình - Hoà Bình	
12	Nguyễn Thị Hương	Giang	CNTT32	27/6/1981	An Châu - Đông Hưng - Thái Bình	
13	Dương Thị	Hà	CNTT33	22/4/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Đinh Thị Thanh	Hà	CNTT34	07/02/1982	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Đoàn Thị	Hà	CNTT35	26/12/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
16	Nguyễn Thị	Hà	CNTT36	07/5/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Nguyễn Văn	Hà	CNTT37	09/6/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
18	Nguyễn Đức	Hà	CNTT38	17/9/1998	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Diêm Công	Hải	CNTT39	11/10/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Tổng Văn	Hải	CNTT40	31/10/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20./



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 27/01/2018
PHÒNG THI: TH03

Địa điểm và thời gian thi:

Phân thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h30'**

Phân thi Thực hành: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **15h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Phạm Quang	Hào	CNTT41	21/02/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Nguyễn Văn	Hào	CNTT42	09/8/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Nguyễn Thị	Hằng	CNTT43	25/10/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Phạm Thị	Hằng	CNTT44	21/01/1970	Trực Đại - Trực Ninh - Nam Định	
5	Thân Thị	Hiền	CNTT45	14/12/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Vũ Văn	Hiền	CNTT46	27/10/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Dương Văn	Hiệp	CNTT47	11/12/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Trần Thế	Hiệp	CNTT48	02/11/1981	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Nguyễn Văn	Hiếu	CNTT49	29/3/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Phan Minh	Hiếu	CNTT50	19/10/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Nguyễn Thị	Hoa	CNTT51	02/12/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
12	Thân Thị	Hoa	CNTT52	12/5/1987	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Triệu Văn	Hòa	CNTT53	20/9/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Đỗ Trọng	Hoàn	CNTT54	13/6/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Nguyễn Văn	Hoàn	CNTT55	01/10/1977	Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang	
16	Trần Đức	Hoàn	CNTT56	27/5/1981	Xuân Lâm - Thuận Thành - Bắc Ninh	
17	Đoàn Thị Thu	Hồng	CNTT57	10/11/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
18	Vũ Xuân	Hồng	CNTT58	08/9/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Bùi Văn	Huân	CNTT59	03/03/1977	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Nguyễn Thị	Huệ	CNTT60	07/07/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20./.

(Chữ ký)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 27/01/2018

PHÒNG THI: TH04

Địa điểm và thời gian thi:

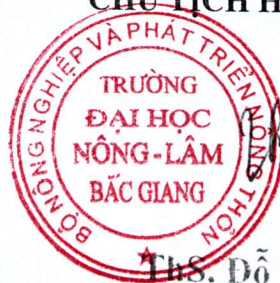
Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **15h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Đỗ Văn	Hùng	CNTT61	25/3/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Nguyễn Văn	Hùng	CNTT62	23/10/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Thân Thế	Hùng	CNTT63	12/12/1978	Mĩ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	
4	Dương Văn	Huy	CNTT64	12/4/1999	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
5	Nguyễn Thị	Huyền	CNTT65	15/9/1999	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị	Huyền	CNTT66	19/12/1999	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị	Huyền	CNTT67	18/5/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Nguyễn Thị Thu	Huyền	CNTT68	03/3/1984	Hoàng Văn Thụ-TP.Bắc Giang - Bắc Giang	
9	Phạm Thị Thanh	Huyền	CNTT69	27/7/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Đỗ Quốc	Hưng	CNTT70	21/12/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Giáp Việt	Hưng	CNTT71	21/05/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
12	Giáp Thị	Hương	CNTT72	31/7/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Đỗ Thị Thu	Hường	CNTT73	30/8/1986	Tân Mỹ - Yên Dũng - Bắc Giang	
14	Nguyễn Thị	Hường	CNTT74	02/01/2000	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Trần Thị	Hường	CNTT75	15/10/1986	Hương Gián - Yên Dũng - Bắc Giang	
16	Vũ Thị	Hường	CNTT76	05/3/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Nguyễn Văn	Hữu	CNTT77	26/12/1999	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
18	Giáp Văn	Khanh	CNTT78	27/5/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Hoàng Minh	Khương	CNTT79	20/12/2000	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Vũ Văn	Kiểm	CNTT80	22/12/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 28/01/2018
PHÒNG THI: TH05

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 7h30'

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - 9h00'

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Phan Văn	Kiên	CNTT81	21/8/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Dương Văn	Lâm	CNTT82	26/8/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Nguyễn Trọng	Lâm	CNTT83	16/12/2000	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Dương Thị	Liên	CNTT84	05/4/1994	Đồng Tâm - Yên Thế - Bắc Giang	
5	Lê Tuấn	Linh	CNTT85	05/12/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Ngô Thị Hoài	Linh	CNTT86	08/2/2000	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Nguyễn Bá	Linh	CNTT87	02/8/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Nguyễn Quang	Linh	CNTT88	15/7/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Nguyễn Thị	Linh	CNTT89	19/9/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Nguyễn Thị Khánh	Linh	CNTT90	02/4/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Đinh Thị	Loan	CNTT91	04/3/1986	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
12	Nguyễn Thị	Loan	CNTT92	04/9/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Nguyễn Trọng	Loan	CNTT93	26/5/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Diêm Công	Long	CNTT94	21/10/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Đỗ Văn	Long	CNTT95	15/10/2000	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
16	Nguyễn Văn	Lợi	CNTT96	22/7/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Nguyễn Duy	Lực	CNTT97	06/4/2000	Thái Thụy - Thái Bình	
18	Chu Thị Ngọc	Mai	CNTT98	05/7/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Hoàng Thị	Mai	CNTT99	10/02/1985	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	CNTT100	01/4/1982	Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	
21	Dương Đức	Mạnh	CNTT101	03/11/2000	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	
22	Nguyễn Văn	Mạnh	CNTT102	12/5/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
23	Nguyễn Như	Minh	CNTT103	11/11/1999	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
24	Nguyễn Thị	Minh	CNTT104	12/10/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
25	Nguyễn Trung	Minh	CNTT105	17/10/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
26	Nguyễn Văn	Minh	CNTT106	17/10/2000	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
27	Bùi Duy	Nam	CNTT107	10/4/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27./.



DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 28/01/2018
PHÒNG THI: TH06

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **7h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **9h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Hoàng Công	Nam	CNTT108	23/12/1998	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Nguyễn Đình	Nam	CNTT109	09/7/2000	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Nguyễn Trọng	Nam	CNTT110	01/8/2000	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Nguyễn Thị	Nga	CNTT111	18/6/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
5	Nguyễn Thế	Ngọc	CNTT112	09/9/2000	Nénh - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị	Ngọc	CNTT113	04/11/1988	Việt Ngọc - Tân Yên - Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị	Ngọc	CNTT114	10/12/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	CNTT115	12/5/1978	Hữu Nghị - TP.Hoà Bình - Hoà Bình	
9	Nguyễn Tuấn	Nhật	CNTT116	31/7/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CNTT117	20/10/1996	Tràng An - Đông Triều - Quảng Ninh	
11	Nguyễn Thị Kim	Nhung	CNTT118	09/6/1976	Vân Thành - Yên Thành - Nghệ An	
12	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	CNTT119	15/11/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Phạm Văn	Phong	CNTT120	17/10/2000	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Hoàng Đình	Phúc	CNTT121	01/6/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Chu Đức	Phương	CNTT122	11/7/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
16	Diêm Đăng	Phương	CNTT123	13/10/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Nguyễn Phùng Chi	Phương	CNTT124	16/11/1997	Đội Cấn - TP.Tuyên Quang - Tuyên Quang	
18	Nguyễn Thị	Phượng	CNTT125	26/3/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Nguyễn Ngọc	Quang	CNTT126	16/8/1991	Vân Canh - Hoài Đức - Hà Nội	
20	Vũ Hồng	Quân	CNTT127	27/10/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
21	Ngô Thị	Quế	CNTT128	06/12/1999	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
22	Phùng Văn	Quyết	CNTT129	02/9/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
23	Vũ Kiều	Sâm	CNTT130	04/9/1982	Phú Xuyên - Hà Nội	
24	Ngô Đăng	Son	CNTT131	19/5/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
25	Nguyễn Đức Thái	Son	CNTT132	14/7/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
26	Thân Ngọc	Son	CNTT133	27/11/2000	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
27	Nguyễn Thị	Suốt	CNTT134	19/6/1999	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27/.



Ths. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 28/01/2018
PHÒNG THI: TH07

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **15h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Danh	Sỹ	CNTT135	18/7/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Nguyễn Trung	Tân	CNTT136	12/4/2000	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Trương Tuấn	Thái	CNTT137	16/10/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Hoàng Thị	Thanh	CNTT138	21/11/2000	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
5	Khổng Thị	Thanh	CNTT139	19/8/1982	Hiệp Hoà - Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị	Thanh	CNTT140	24/10/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
7	Thân Thị	Thanh	CNTT141	03/8/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Tô Minh	Thanh	CNTT142	17/01/1980	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Lưu Văn	Thành	CNTT143	06/12/2000	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Ngô Thị	Thành	CNTT144	16/12/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Nguyễn Huy	Thành	CNTT145	28/01/1996	Dĩnh Kế - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	
12	Nguyễn Thị	Thảo	CNTT146	09/09/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
13	Nguyễn Thị	Thảo	CNTT147	14/8/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CNTT148	21/6/1996	Xương Lâm - Lạng Giang - Bắc Giang	
15	Trần Thị Thanh	Thảo	CNTT149	03/10/1996	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	
16	Trần Thị	Thêu	CNTT150	08/10/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Hoàng Công	Thìn	CNTT151	09/02/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
18	Nguyễn Thị	Thoa	CNTT152	11/8/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Quách Thị	Thoa	CNTT153	30/5/1996	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
20	Nguyễn Thị	Thu	CNTT154	28/7/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
21	Nguyễn Thị Minh	Thu	CNTT155	03/4/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
22	La Thị	Thủy	CNTT156	04/02/1992	Danh Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	
23	Nguyễn Thị	Thủy	CNTT157	29/02/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
24	Nguyễn Thu	Thủy	CNTT158	23/01/1988	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
25	Đoàn Phương	Thúy	CNTT159	27/10/1985	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
26	Nguyễn Văn	Thư	CNTT160	22/3/2000	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
27	Giáp Thị	Thứ	CNTT161	02/9/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 27/.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



ThS. Đỗ Thị Huyền

DANH SÁCH THI CẤP CHỨNG CHỈ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 28/01/2018

PHÒNG THI: TH08

Địa điểm và thời gian thi:

Phần thi Trắc nghiệm: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **13h30'**

Phần thi Thực hành: Phòng máy tính 02 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1) - **15h00'**

TT	Họ và tên		SBD (Mã TK)	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Quyết	Tiến	CNTT162	14/12/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
2	Bùi Văn	Tín	CNTT163	17/9/2000	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
3	Dương Thị	Toan	CNTT164	01/7/1978	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
4	Bùi Thị Thu	Trang	CNTT165	24/8/1986	Việt Trì - Phú Thọ	
5	Nguyễn Thị	Trang	CNTT166	26/10/2000	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	
6	Lê Minh	Trào	CNTT167	04/10/1993	Lạc Đạo - Văn Lâm - Hưng Yên	
7	Nguyễn Thị	Trâm	CNTT168	19/8/1982	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	
8	Nguyễn Văn	Trọng	CNTT169	11/9/2000	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
9	Nguyễn Văn	Trường	CNTT170	24/10/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
10	Phan Văn	Tuân	CNTT171	12/12/2000	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
11	Nguyễn Minh	Tuấn	CNTT172	31/10/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
12	Nông Hữu	Tùng	CNTT173	28/8/1978	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	
13	Nguyễn Văn	Tuyền	CNTT174	14/4/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
14	Nguyễn Thị	Tuyền	CNTT175	01/10/1999	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	
15	Tổng Văn	Tuyền	CNTT176	29/01/2000	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	
16	Trần Thị Tố	Uyên	CNTT177	23/4/2000	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	
17	Dương Thị	Vân	CNTT178	07/8/2000	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	
18	Tổng Thị	Vân	CNTT179	12/10/2000	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	
19	Dương Thị	Vi	CNTT180	15/6/1986	Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	
20	Ngô Văn	Vinh	CNTT181	12/12/2000	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
21	Bùi Thị	Xuân	CNTT182	15/02/2000	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	
22	Dương Thị	Xuyên	CNTT183	27/11/2000	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	
23	Trần Thị	Xuyên	CNTT184	20/9/1995	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	
24	Nguyễn Đức	Yên	CNTT185	17/10/2000	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	
25	Đoàn Thị Hoàng	Yến	CNTT186	12/8/1984	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	
26	Thân Thị	Yến	CNTT187	06/10/1987	Nghĩa Trung - Việt Yên - Bắc Giang	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 26/.



ThS. Đỗ Thị Huyền